

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 57/2023/DS-ST
Ngày: 19-6-2023
V/v tranh chấp dân sự về hợp
đồng vay tài sản và hợp đồng
mua bán

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Văn

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Tuyển
- Ông Nguyễn Văn Ninh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Tân – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 378/2022/TLST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2022 về việc “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2023/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị Thu H, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Chị H có mặt, chị N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trương Thị Thu H trình bày:

Chị bán hàng tại chợ xã P, chị N có mua hàng của chị nhiều lần nên có biết nhau. Do quen biết nên chị có cho chị N vay tiền nhiều lần và bán thịt heo nạc, tổng cộng số tiền chị N còn nợ của chị là 70.500.000 đồng, cụ thể như sau: Ngày 06-7-2019, chị N vay 10.000.000 đồng; Ngày 07-8-2019, chị N vay 20.000.000 đồng;

Ngày 12-9-2019, chị N vay 10.000.000 đồng; Ngày 30-9-2019, chị N vay 15.000.000 đồng; Ngày 06-10-2019, chị N vay 5.000.000 đồng; Ngày 15-7-2019, chị N vay 8.000.000 đồng (trong giấy chót nợ có ghi là hui tháng là do các bên thỏa thuận xem đó là tiền hui, mỗi tháng chị N trả cho chị 1.000.000 đồng đến khi trả xong nợ, trả trong thời hạn 08 tháng). Chị và chị N có thỏa thuận thời hạn vay từ 03 đến 05 tháng, lãi suất 5%/tháng, không thế chấp tài sản, không làm giấy nợ, mục đích vay là để chị N chi tiêu trong gia đình, nuôi chồng bệnh và cho con đi học. Các lần vay thì chị N có trả lãi được khoảng 02 đến 03 tháng nhưng không đầy đủ, do thời gian đã lâu chị không xác định được đã trả lãi bao nhiêu. Ngoài ra, chị N có mua thịt heo của chị còn thiếu số tiền 2.500.000 đồng. Các bên có làm giấy chót nợ thể hiện tổng cộng các khoản nợ của chị N là 70.500.000 đồng. Chị N có viết số tiền nợ và ký tên vào giấy nợ. Dòng chữ “em thiếu 70.500.000 đồng chị H” là do chị N tự ghi.

Sau đó, chị có yêu cầu chị N trả nợ nhiều lần thì chị N có trả cho chị được số tiền 13.000.000 đồng, gồm các lần sau: Ngày 10-3-2020, chị N trả 1.000.000 đồng; Ngày 10-4-2020, chị N trả 2.000.000 đồng; Ngày 10-5-2020, chị N trả 1.000.000 đồng; Ngày 10-6-2020, chị N trả 2.000.000 đồng; Ngày 10-7-2020, chị N trả 1.000.000 đồng; Ngày 20-7-2020, chị N trả 2.000.000 đồng; Ngày 10-10-2020, chị N trả 1.000.000 đồng; Ngày 10-12-2020, chị N trả 1.000.000 đồng; Ngày 10-01-2021, chị N trả 1.000.000 đồng; Ngày 20-4-2021, chị N trả 500.000 đồng; Ngày 12-5-2021, chị N trả 500.000 đồng

Hiện nay, chị N còn nợ chị số tiền 57.500.000 đồng, gồm tiền vay và tiền mua hàng còn nợ. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị N trả cho chị số tiền nợ là 57.500.000 đồng. Chị không yêu cầu tính lãi. Chị rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi là 12.937.500 đồng. Ngoài ra, chị không yêu cầu gì khác

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không nộp tài liệu chứng cứ, không có văn bản trình bày ý kiến đối với nội dung vụ án.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh là ông Trần Minh T phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do là vi phạm nghĩa vụ của đương sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 463, 469 của Bộ luật Dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Thu H đối với chị Nguyễn Thị N về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán, buộc chị N phải trả cho chị H số tiền 57.500.000 đồng; Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị H đối với yêu cầu trả tiền lãi là 12.937.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự:

Chị N đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên vụ án vẫn được tiến hành xét xử là phù hợp với khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Theo đơn khởi kiện, Chị H yêu cầu chị N phải trả số tiền vay và số tiền mua hàng còn nợ nên quan hệ pháp luật được Tòa án thụ lý vụ án là “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán”, chị N đang cư trú tại huyện G, tỉnh Tây Ninh nên Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh có thẩm quyền giải quyết là phù hợp với khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Chị H và chị N có quen biết nên chị H có cho chị N vay tiền nhiều lần và bán hàng nợ, tổng số tiền chị N nợ của chị H là 70.500.000 đồng. Trong đó gồm tiền vay và tiền bán hàng.

Đối với các khoản vay, chị N vay tiền của chị H 06 lần, tổng số tiền là 68.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 06-7-2019, vay 10.000.000 đồng; Ngày 07-8-2019, vay 20.000.000 đồng; Ngày 12-9-2019, vay 10.000.000 đồng; Ngày 30-9-2019, vay 15.000.000 đồng; Ngày 06-10-2019, vay 5.000.000 đồng; Ngày 15-7-2019, vay 8.000.000 đồng. Chị H có trình bày giữa chị H và chị N có thỏa thuận thời hạn vay từ 03 đến 05 tháng, lãi suất 5%/tháng, không thế chấp tài sản, không làm giấy nợ, mục đích vay là để chị N chi tiêu trong gia đình, nuôi chồng bệnh và cho con đi học. Các lần vay thì chị N có trả lãi được khoảng 02 đến 03 tháng nhưng không đầy đủ, do thời gian đã lâu chị H không xác định được đã trả lãi bao nhiêu.

Đối với tiền mua hàng còn nợ: Chị N có mua thịt heo của chị H còn nợ số tiền 2.500.000 đồng.

Các bên có làm giấy chót nợ thể hiện tổng cộng các khoản nợ của chị N là 70.500.000 đồng. Chị N có viết số tiền nợ và ký tên vào giấy nợ. Dòng chữ “em thiếu 70.500.000 đồng chị H” là do chị N tự ghi.

Sau đó, chị H có yêu cầu chị N trả nợ nhiều lần nhưng chị N không có tiền trả cho chị H. Do hoàn cảnh khó khăn nên chị N có xin chị H không lấy lãi và trả nợ dần thì chị H đồng ý. Chị N có trả cho chị H được số tiền 13.000.000 đồng, gồm các lần sau: Ngày 10-3-2020, trả 1.000.000 đồng; Ngày 10-4-2020, trả 2.000.000 đồng; Ngày 10-5-2020, trả 1.000.000 đồng; Ngày 10-6-2020, trả 2.000.000 đồng; Ngày 10-7-2020, trả 1.000.000 đồng; Ngày 20-7-2020, trả 2.000.000 đồng; Ngày 10-10-2020, trả 1.000.000 đồng; Ngày 10-12-2020, trả 1.000.000 đồng; Ngày 10-01-2021, trả 1.000.000 đồng; Ngày 20-4-2021, trả 500.000 đồng; Ngày 12-5-2021, trả 500.000 đồng. Từ lần cuối cùng trả nợ vào ngày 12-5-2021 thì đến nay chị N không

trả cho chị H thêm được khoản nào.

Hội đồng xét xử nhận thấy, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp, chị H đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ là giấy nợ có chữ viết và chữ ký của chị N. Nội dung của giấy nợ chỉ thể hiện số tiền chị N còn nợ, không ghi lãi suất, không ghi thời hạn cho vay. Tuy nhiên chị H thừa nhận có nhận lãi. Chị H và chị N cũng không cung cấp các tài liệu, chứng cứ gì khác thể hiện các hợp đồng vay có thời hạn. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần xác định hợp đồng vay giữa chị H và chị N là có lãi, không kỳ hạn theo quy định tại Điều 463 và Điều 469 Bộ luật Dân sự. Đối với tiền mua hàng còn nợ đã được chị N thừa nhận và ký tên xác nhận có nợ. Do đó, Hội đồng xét xử cần xác định có hợp đồng mua bán và phát sinh nghĩa vụ trả tiền của chị N đối với chị H theo quy định tại Điều 430 và Điều 440 của Bộ luật Dân sự.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án không thể hiện thời hạn cho vay nhưng có xảy ra việc các bên đã chốt nợ, chị N đã trả dần tiền nợ gốc cho chị H, có phát sinh nghĩa vụ trả nợ của chị N nhưng chị N chưa thực hiện đầy đủ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị H được pháp luật bảo vệ. Chị H đã trình bày và đưa ra tài liệu, chứng cứ thể hiện chị N có nợ chị H số tiền 57.500.000 đồng, lời trình bày của chị H phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Ngược lại, chị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án về việc khởi kiện của chị H, không giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ đối với vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi là 12.937.500 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử cần đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị H đối với số tiền lãi là có căn cứ theo quy định tại Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Từ những nhận định trên xét thấy toàn bộ đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát huyện G, tỉnh Tây Ninh là có căn cứ và phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu của chị H được Tòa án chấp nhận nên chị N phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 217, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 430, 440, 466 và 469 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Thu H đối với chị Nguyễn Thị N về việc tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán.

Buộc chị N có nghĩa vụ trả cho chị H số tiền 57.500.000 (năm mươi bảy triệu năm trăm nghìn) đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị H đối với số tiền lãi là 12.937.500 đồng.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị N không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng chị N còn phải trả cho chị H số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị N phải chịu 2.875.000 (hai triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho chị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.760.000 (một triệu bảy trăm sáu mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0025066 ngày 22-12-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu.

3. Quyền kháng cáo:

Chị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị N vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Quyền yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Đình Văn